

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2023
V/v “Tranh chấp về ly hôn giữa ông
T với bà G”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai.
- Ông Huỳnh Văn Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 219/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thạch Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Mỹ T 1, xã Mỹ Thạnh T, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 07/1, khóm Thới An A, phường Mỹ Thạnh, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn ông Thạch Nguyễn Nhựt T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà G quen biết, rồi tiến tới hôn nhân, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021

cho đến nay, nay yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị G, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Thạch Nguyễn Huỳnh Như, sinh ngày 01/12/2003, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Và Thạch Nguyễn Anh Hào, sinh ngày 01/1/2007. Hiện 02 cháu đang chung sống với bà G. Đồng ý giao 02 cháu cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Cháu Thạch Nguyễn Anh Hào, sinh ngày 01/1/2007, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu Hào thành niên và có khả năng lao động.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 23/5/2023 bị đơn bà Huỳnh Thị G trình bày: Thống nhất với ông T về quá trình đi đến hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, không đăng ký kết hôn, đồng ý ly hôn, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng; về con chung: có 02 con chung như ông T trình bày, đồng ý nuôi 02 con chung; về cấp dưỡng nuôi con: Thống nhất với ông T về mức cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T và bà G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn, bị có đơn xin xét xử vắng mặt và đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà G.

- Về con chung: Cháu Như đã thành niên, có khả năng lao động. Giao cháu Hào cho bà G trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hào mỗi tháng 2.000.000 đồng thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 06/2023 cho đến khi cháu Hào thành niên và có khả năng lao động.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Như, cháu Hào...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà G chung sống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân đã lâu. Nay tình cảm không còn ông T yêu cầu ly hôn với bà G, bà G đồng ý.

Xét, quan hệ hôn nhân của ông T và bà G, Hội đồng xét xử nhận định: Ông T và bà G chung sống với nhau như vợ chồng, đủ điều kiện kết nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã lâu. Nay ông bà thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của ông bà, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Thạch Nguyễn Huỳnh Như, sinh ngày 01/12/2003, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Và Thạch Nguyễn Anh Hào, sinh ngày 01/1/2007. Hiện cháu Hào đang chung sống với bà G. Ông T và bà G thống nhất giao cháu Hào cho bà G trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu Hào có nguyện vọng sống chung với bà G. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Bà Huỳnh Thị G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Thạch Nguyễn Nhựt T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu Hào thành niên và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Ông Thạch Nguyễn Nhựt T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do ông Thạch Nguyễn Nhựt T và bà Huỳnh Thị G thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử nên ông T được giảm 50% án phí dân sự không giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thạch Nguyễn Nhựt T với bà Huỳnh Thị G.

2. Về con chung:

- Thạch Nguyễn Huỳnh Như, sinh ngày 01/12/2003, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Giao cháu Thạch Nguyễn Anh Hào, sinh ngày 01/1/2007 cho bà G trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Huỳnh Thị G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Thạch Nguyễn Nhựt T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thạch Nguyễn Nhựt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Nguyễn Anh Hào, sinh ngày 01/1/2007, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu Hào thành niên và có khả năng lao động.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

- Ông Thạch Nguyễn Nhựt T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001697 ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

- Ông Thạch Nguyễn Nhựt T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hoàng Mai Huỳnh Văn Nam

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi